

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 14-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Nhung.

Ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976.

Cùng trú tại: khu phố L, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1975.

Cùng trú tại: khu phố L, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Chị L, anh P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn P chung sống với nhau từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Trảng Bàng (nay là phường A, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình của anh P tại ấp H, xã G, huyện Trảng Bàng (nay là khu phố H,

phường G, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh, vợ chồng cùng làm nghề buôn bán. Vào năm 2000, vợ chồng mua nhà riêng và về chung sống tại ấp L, xã A, huyện Trảng Bàng (nay là khu phố L, phường A, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh đến nay. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 do giữa vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây gỗ nhau, không thể thông cảm và sống hòa hợp với nhau, tuy sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị C, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19-6-2006 hiện đang sống cùng vợ chồng chị. Các cháu rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, cháu C đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Tấn P trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây gỗ nhau và không có thiện chí hàn gắn, tiếp tục chung sống cùng nhau. Nay anh đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị C, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19-6-2006 hiện đang sống cùng với vợ chồng anh. Các cháu rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, cháu C đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, anh đồng ý giao cháu Đ cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Tấn P. Chị L được ly hôn anh P.

Về con chung: cháu Nguyễn Thị C, sinh năm 2000 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không giải quyết việc nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19-6-2006 cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị L, anh P không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tấn P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh P chung sống với nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ năm 2021, nguyên nhân là do giữa vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây gổ nhau, không còn quan tâm đến nhau và không ai có thiện chí hàn gắn. Nay chị L yêu cầu ly hôn và anh P cũng đồng ý ly hôn chị L.

Xét thấy, chị L và anh P tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị L và anh P đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh P, cho chị L được ly hôn anh P là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Cháu Nguyễn Thị C, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19-6-2006 hiện đang sống cùng vợ chồng chị L. Khi ly hôn, cháu C đã thành niên nên không giải quyết việc nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và anh P cũng đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Đ cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị L. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị L

tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị L, anh P không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Tấn P.

Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tấn P.

2. Về con chung:

Cháu Nguyễn Thị C, sinh năm 2000 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không giải quyết việc nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19-6-2006 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị L, anh P không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026463 ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị L, anh P có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thư